

HAI NGUYÊN TẮC CHÍNH XÁC VÀ QUẢN DỤNG TRONG VIỆC PHIÊN DỊCH CÁC DANH TỪ PHÁP CHÍNH KINH XÃ

G.S. ĐÀO-QUANG-HUY

Chính xác và quản dụng là hai điều kiện chánh yếu trong việc lựa chọn danh từ chuyên môn. Hai điều kiện này đã trở thành hai nguyên tắc phiên dịch được công nhận như hai nguyên tắc căn bản. (1)

Trong các lãnh vực khoa học, kỹ thuật và mỹ thuật, danh từ chuyên môn bắt buộc phải chính xác. Mỗi ý niệm cần được diễn tả bởi một danh từ và bởi một danh từ mà thôi. Thiếu chính xác, danh từ sẽ làm suy giảm tính cách chuyên môn của ý niệm. Vì nguyên tắc chính xác, các danh từ chuyên môn ngoại ngữ đã phải dùng tới các căn la hy hay hán tự. Nhờ tính cách chính xác, về hình thức, danh từ chuyên môn phát âm lên nghe gọn gàng, dễ hiểu và về nội dung, tránh cho người dịch khỏi phải giải thích dài dòng.

Gặp trường hợp Việt ngữ sẵn có một danh từ chuyên môn tương ứng với ý niệm chuyên môn cần diễn tả, điều kiện chính xác và điều kiện quản dụng của danh từ đã hội nhập. Người phiên dịch không gặp khó khăn trong việc lựa chọn danh từ và tập quán cũng không gặp khó khăn trong việc chấp nhận và công nhận danh từ ấy.

Gặp trường hợp Việt ngữ sẵn có nhiều danh từ tương ứng với cùng một ý niệm chuyên môn cần diễn tả, người phiên dịch sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc lựa chọn danh từ.

Trước nhất nguyên tắc phiên dịch không cho phép diễn tả một ý niệm chuyên môn bằng nhiều danh từ tương ứng. Có một khuynh hướng khuyến cáo nên dịch danh từ chuyên môn bằng tất cả các danh từ Việt ngữ sẵn có và dành cho quản lệ thẩm quyền tuyển lựa và công nhận sau này. Làm như vậy có hai điểm lợi :

(1) GS Hoàng Xuân Hãn : danh từ khoa học, Hanoi, 1942

GS Lê Văn Thới : Bộ danh từ khoa học, Saigon, 1962

GS Vũ Văn Mẫu : Từ điển Pháp Việt Pháp Luật, Chính trị, Kinh tế, Saigon, 1955

1. — Biểu thị được nét phong phú của Việt ngữ.

2. — Không lược đoạt thẩm quyền chung tuyền của quán lệ, vì phiên dịch, theo khuynh hướng nói trên, chỉ là đề nghị một số danh từ, còn chấp nhận hay không, đó là quyền năng của tập quán.

Thứ đến, thông thường và theo nguyên lý, khi một ngôn ngữ có nhiều danh từ để diễn tả cùng chung một ý niệm, thì nếu cứ xét cho tới nguồn gốc, ngọn ngành, ta sẽ tìm thấy một vài sai biệt giữa danh từ này với danh từ khác. Nói cách khác, nếu chịu bỏ công sưu khảo tỹ mỹ, ta sẽ tìm thấy lại nguyên tắc bất biến của ngôn ngữ là mỗi ý niệm được diễn tả bởi một danh từ và chỉ bởi một danh từ mà thôi.

Gặp trường hợp Việt ngữ có sẵn một hay nhiều danh từ mà xưa nay ta vẫn quen dùng để phiên dịch một danh từ chuyên môn ngoại ngữ, nhưng về bản thể, hai danh từ này hoàn toàn không tương ứng với nhau, vì danh từ Việt ngữ và danh ngoại ngữ, mỗi danh từ diễn tả một ý niệm chuyên môn hoàn toàn khác nhau. Trong trường hợp này, ta nên bỏ nguyên tắc chính xác để giữ nguyên tắc quán dụng, hay bỏ nguyên tắc quán dụng để giữ nguyên tắc chính xác ?

xXx

Đối với các bộ môn khoa học vật thể, như toán, lý, hóa; đối với một vài bộ môn khoa học tinh thần như triết, tôn, mỹ, âm, họa, hay các bộ môn kỹ thuật, vấn đề chúng tôi vừa nêu ra, dường như chỉ có tầm mức không mấy quan trọng. Riêng đối với các bộ môn khoa học xã hội như pháp, chính, kinh, xã, vấn đề vừa nêu ra, quả là một bài toán quan trọng, cần phải được giải quyết dứt khoát để có được một số nguyên tắc dùng làm căn bản cho công cuộc phiên dịch danh từ chuyên môn.

Thực vậy mỗi dân tộc có một số định chế, Pháp, Chính, Kinh, Xã khác nhau. Các định chế này phần lớn do mặc ước mà thành. Sự cấu tạo định chế từ những quan niệm riêng rẽ của từng dân tộc, được biểu thị bằng ngôn từ mà đa số, được dùng để diễn tả những ý niệm mà chỉ riêng dân tộc ấy có mà thôi. Sự phiên dịch danh từ Pháp, Chính, Kinh, Xã từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác không thể tránh khỏi sự gò ép đáng chê trách và tai hại hơn nữa, là thường tạo ra nhiều ngộ tín hậu quả tai hại vô cùng cho quốc gia và dân tộc.

Chúng tôi xin phép được đơn cử vài thí dụ điển hình:

1. — Danh từ Việt ngữ dịch ra ngoại ngữ :

| | | |
|--------------------|---|------------------------------|
| Công điền công thổ | : | Rizières et terrains publics |
| Hụi | : | Tontine |
| Rã y vợ | : | Répudiation de son épouse |
| Từ con | : | Désaveu de paternité |

Chế độ công điền công thổ của Việt Nam là một định chế điền địa đặc biệt, không có một danh từ Pháp ngữ nào khả dĩ có thể dùng để phiên dịch. Nhà cầm quyền bảo hộ đã phiên dịch công điền công thổ bằng từ ngữ rizières et terrains publics. Tính cách « công » của từ Việt Nam trong nhóm từ « công điền công thổ » không diễn đạt cùng một ý niệm với từ « public » của Pháp ngữ. Phiên dịch như vậy đã khiến các nhà cai trị thời Pháp thuộc coi công điền công thổ là công sản quốc gia và từ quan niệm sai lầm này, các nhà làm luật ngày nay, vì ngộ tín, đã hủy diệt của dân tộc một định chế điền địa quý báu, mà, nếu còn được duy trì, định chế công điền, công thổ của ta có đủ uy lực chế ngự sức hấp dẫn của luận điệu Cộng Sản.

« Hụi » cũng là một định chế cung cấp tín dụng đặc biệt của dân tộc Việt Nam, vừa công bằng, bác ái, lại vừa hữu hiệu. Định chế này được xây dựng từ tinh thần cộng đồng cổ hữu của dân tộc Việt Nam, trong đó các hội viên luân phiên nhau làm chủ nợ và con nợ. Từ khi nhà cai trị người Pháp phiên dịch « hụi » là « la tontine », các qui luật của tontine đã được đem ra chế tài « hụi » Việt Nam, khiến cho định chế này hoàn toàn băng hoại, vì đôi khi bị nhà làm luật coi như một vụ cho vay nợ dân sự, đôi khi lại bị coi như một vụ lường gạt hay bội tín hình sự.

Thực chất của lệ « rã y vợ » trong cổ luật Việt Nam cũng khác hẳn ý niệm « khước bỏ » trong danh từ « répudiation » và ý niệm « từ con », cũng khác hẳn ý niệm « khước từ phụ hệ » trong danh từ Pháp ngữ « Désaveu de paternité ». Các ý niệm của danh từ Việt ngữ nhằm bảo toàn luân lý, còn các ý niệm của danh từ Pháp ngữ nhằm triệt tiêu nghĩa vụ và trách nhiệm luật định.

2.— Danh từ ngoại ngữ dịch ra Việt ngữ :

| | | |
|----------------------|---|--------------------|
| Agent matrimonial | : | nhà mối (mai dong) |
| Bonus pater familias | : | lương phụ |
| Bouc émissaire | : | bung xung |
| Filouterie | : | cọc |

Cùng một nhận định như đã trình bày ở đoạn trên, sự phiên dịch các từ ngữ nước ngoài thành Việt ngữ trong các ví dụ vừa nêu ra không thể được coi như đã diễn tả được cùng một ý niệm. Người mỗi trong xã hội Việt Nam không hẳn là người chuyên sống về nghề giới thiệu hôn nhân. Ý niệm «người cha tốt» trong ngôn ngữ Việt Nam, chắc chắn không phải là ý niệm của danh từ La ngữ «Bonus pater familias». Kẻ bị gọi là «bouc émissaire» chưa hẳn là cái «bung xung» trong ngôn ngữ Việt Nam. Cũng như «cọp» «hạm» của Việt ngữ không phải chỉ dùng riêng để diễn tả ý niệm «filou» của Pháp ngữ.

Đi sâu thêm vào chi tiết vấn đề chúng tôi vừa nêu ra : Khi nguyên tắc chính xác và quán dụng không hội nhập cùng nhau, người phiên dịch nên lựa chọn nguyên tắc nào và nên từ bỏ nguyên tắc nào, danh từ Pháp ngữ «provisoire», đúng ra, phải được phiên dịch ra Việt ngữ là tạm thời. Nhưng từ lâu, hợp ngữ «gouvernement provisoire» vẫn được chuyển tả sang Việt ngữ là «Chính phủ lâm thời». Danh từ «Chính phủ lâm thời» đã trở thành quán dụng trong từ ngữ chánh trị Việt Nam,

Lâm (臨) theo nguyên ngữ Hán tự, có nghĩa là đến, tới «Lâm thời», như vậy phải có nghĩa là đến lúc, tới lúc, lẽ ra chỉ nên dùng để chuyển tả ý niệm «le cas échéant» của từ Pháp ngữ.

Chế độ chính trị, Pháp ngữ quen chỉ định bằng danh từ «parlementarisme» lẽ ra phải được chuyển tả sang Việt ngữ là Nghị viện chế, thì từ lâu, quán lệ chính ngữ Việt Nam vẫn thường phiên dịch là «Đại nghị chế».

Phiên dịch như vậy có hai liệt điểm :

1. — Về hình thức, danh từ chuyên môn lạc gốc (căn). Thật khó biện minh khi ta phiên dịch «le parlement» là «Nghị Viện» mà vẫn duy trì danh từ «Đại nghị chế» để phiên dịch từ «Parlementarisme» của Pháp ngữ.

2. — Về nội dung, Đại (代) là thay thế, thay mặt, thì về chính trị ta sẽ dễ lầm chế độ «Parlementarisme» với «système représentatif». Sự lầm lẫn này không phải là không gây ra nhiều phiền toái, là vì về thực chất, Tổng thống chế (système présidentiel) với Nghị viện chế (système parlementaire) đều là Đại nghị chế (systèmes représentatifs) cả.

Danh từ pháp ngữ «Le vote» đã được quán lệ phiên dịch là «lá phiếu», «cuộc đầu phiếu». Gặp từ ngữ «Le scrutin», quán lệ cũng phiên

dịch là «lá phiếu», «cuộc bầu phiếu». Phiên dịch như vậy không thể diễn tả nổi sự khác biệt giữa hai ý niệm «Vote» với «Scrutin» của Pháp ngữ.

Cũng như vậy, Các danh từ Pháp ngữ «Conférence, Comité, Commission, Conseil, Réunion» đều được quán lệ phiên dịch, khi là «Hội đồng», khi là «Hội nghị» khi là «Ủy ban» mà không nhất thiết lựa một từ nào của Việt ngữ cho tương ứng với một từ nào của Pháp ngữ.

Các danh từ Pháp ngữ «Conférence», «Convention» «Traité», «Union» cũng được quán lệ phiên dịch đồng loạt là «Hiệp ước».

Các danh từ Pháp ngữ «Agrément, contrat, Convention» cũng chưa được quán lệ đồng thuận lựa từ nào cho tương ứng với các từ Việt ngữ «Thỏa ước» «khế ước» hay «hiệp ước».

Từ Việt ngữ «Hội» được quán lệ dùng để phiên dịch cả hai từ Pháp ngữ «Association» và «Société», từ Việt ngữ «cờ phàn» được quán lệ dùng để phiên dịch cả hai từ Pháp ngữ «Action» và «Part» v.v...

Ngược lại với một từ ngoại ngữ duy nhất là từ «Président» quán lệ đã phiên dịch bằng nhiều từ Việt ngữ : «Tổng Thống», «Thống Đốc» «Chủ Tịch», «Chủ tọa» v.v... mà chưa đặt ra được qui lệ vững chắc nào giúp người phiên dịch biết lựa từ nào cho trường hợp nào. Danh từ «Défense légitime» khi được phiên dịch là «Phòng vệ chính đáng», khi lại được phiên dịch là «tự vệ chính đáng», «Flagrant délit» vừa được dịch là «Quả tang phạm pháp» vừa được dịch là «Đương trường phạm pháp».

Quán lệ tư pháp cũng chưa đề ra được qui tắc vững chắc nào để lựa chọn giữa từ «toan phạm» với «tương hành vi toại»; giữa «khước từ» với «từ khước»; giữa «khước bác» với «bác khước», giữa «phủ nhận» với «từ chối» v.v...

Mặt khác, quán lệ đã lầm lẫn khi dùng từ «Mại dâm» thay vì «Mãi dâm»; «phát mại» thay vì «phách mại»; «khẩn cấp» thay vì «cấp thãm», «Bị can» thay vì «bị cáo» «can nhân» thay vì «can phạm» hay «phạm nhân» v.v...

XX

Các trường hợp viện dẫn trên đây chỉ mới đề ra được một trong muôn ngàn trường hợp khác. Trong các trường hợp này, kẻ phiên dịch thường do dự giữa hai thái độ: Nếu muốn từ chuyên môn được

chính xác thì phải cải chánh quán lệ, còn nếu công nhận quán lệ, thì từ chuyên môn hoặc thiếu chính xác hoặc sai lầm.

Lựa chọn một trong hai thái độ vừa nói, không phải là một chuyện giản dị và dễ giải quyết. Thực vậy, không dễ gì thuyết phục quán lệ dùng danh từ «mãi mại» để phiên dịch «la vente» thay cho «sự bán»; «mãi chủ» để phiên dịch «l'acheteur» thay cho «người mua»; «Mại chủ» để phiên dịch «le vendeur» thay cho «người bán»; «Thải chủ» để phiên dịch «le créancier» thay cho «chủ nợ»; «Tá chủ» để phiên dịch «le débiteur» thay cho «con nợ»; «Phát thải» để phiên dịch «prêter» thay cho «cho vay», «cho mượn»; «phát tá» để phiên dịch «emprunter» thay cho «đi mượn»; «Ốc chủ» thay cho «chủ nhà»; «tá ốc» thay cho «người mượn nhà»; «Ngân quỹ» thay cho «kết», «Tồn căn» thay cho «sút»; «Ghi chú» thay cho «nóc hờ»; «Biên tể» thay cho «lề» v.v..

Trong một số ít trường hợp, sự thuyết phục có thể dựa vào một vài luận cứ để biện minh.

Ví dụ : Danh từ Pháp ngữ «le mariage» dùng chung, sẽ được phiên dịch «sự phối hiệp vợ chồng»; nếu dùng về phía người chồng, sẽ được phiên dịch là «hôn thú»; nếu dùng về phía người vợ, sẽ được phiên dịch là «giá thú».

Danh từ Pháp ngữ «le remariage» dùng chung, sẽ được phiên dịch là sự «tái thú»; Nếu dùng về phía người chồng, sẽ được phiên dịch là «tái hôn»; còn nếu dùng về phía người vợ thì sẽ được phiên dịch là «tái giá» là vì : hôn 婚 là lấy vợ và giá 嫁 là lấy chồng.

Trong đại đa số trường hợp còn lại, khó tìm được luận cứ biện minh cho việc thuyết phục phải hy sinh nguyên tắc CHÍNH XÁC cho nguyên tắc QUÁN DỤNG hay vice versa (2).

(2) — Tác giả dùng từ la ngữ VICE VERSA để khỏi lầm lẫn với ý niệm ngược lại trong từ Pháp ngữ CONTRAIRE.